

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành công trình:
Cải tạo, nâng cấp và mở rộng Cơ sở cai nghiện ma túy Quảng Nam**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng và số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2213/QĐ-UBND ngày 10/7/2019 của UBND tỉnh về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Cải tạo, nâng cấp và mở rộng Cơ sở cai nghiện ma túy Quảng Nam và Quyết định số 2986/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh về phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp và mở rộng Cơ sở cai nghiện ma túy Quảng Nam;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 304/TTr-STC ngày 09/7/2021 (kèm Báo cáo kết quả thẩm tra số 1843/BC-STC ngày 09/7/2021).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

1. Công trình: Cải tạo, nâng cấp và mở rộng Cơ sở cai nghiện ma túy Quảng Nam.
2. Địa điểm: xã Sông Trà, huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam.
3. Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Quảng Nam.
4. Thời gian khởi công: 02/01/2020; hoàn thành: 14/4/2021.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Nguồn vốn đầu tư:

a) Tổng mức đầu tư được duyệt: 17.957.306.000 đồng.

b) Nguồn vốn đầu tư: ngân sách tỉnh.

c) Vốn đầu tư đã bố trí thực hiện đến hết năm 2020: 15.300.000.000 đồng; kế hoạch vốn năm 2021: 0 đồng.

2. Chi phí đầu tư:

	Tổng dự toán công trình được duyệt (đồng)	Chi phí đầu tư được quyết toán (đồng)
Tổng số	17.844.498.000	16.906.656.000

3. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Nội dung	Tài sản hình thành qua đầu tư Chủ đầu tư bàn giao cho Cơ sở cai nghiện ma túy Quảng Nam quản lý sử dụng (đồng)
Tổng cộng	16.906.656.000
1. Tài sản dài hạn (cố định)	16.906.656.000
2. Tài sản ngắn hạn	0

Điều 3. Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Chủ đầu tư:

a) Được phép tất toán nguồn vốn, chi phí đầu tư công trình Cải tạo, nâng cấp và mở rộng Cơ sở cai nghiện ma túy Quảng Nam, số tiền: 16.906.656.000 đồng.

b) Thanh toán các khoản công nợ (đến ngày khóa sổ lập báo cáo quyết toán):

- Tổng nợ phải thu: 0 đồng.

- Tổng nợ phải trả: 1.606.656.000 đồng.

(Chi tiết các khoản công nợ theo Phụ lục I đính kèm)

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Cơ sở cai nghiện ma túy Quảng Nam là đơn vị quản lý, sử dụng tài sản hình thành sau đầu tư phải ghi tăng giá trị tài sản, với số tiền: 16.906.656.000 đồng; thực hiện báo cáo kê khai biến động tài sản và quản lý tài sản theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

(Chi tiết tài sản theo Phụ lục II đính kèm)

3. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh làm việc với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cho UBND tỉnh bố trí vốn trả nợ cho công trình số tiền: 1.606.656.000 đồng.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Kho bạc Nhà

nước tỉnh, Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh, Giám đốc Cơ sở cai nghiện ma túy Quảng Nam và thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PVP;
- Lưu: VT, KG-VX, KTN, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Quang



Phụ lục I
TÌNH HÌNH THANH TOÁN VÀ CÔNG NỢ
công trình: Cải tạo, nâng cấp và mở rộng Cơ sở cai nghiện ma túy Quảng Nam
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /7/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam)

ĐVT: đồng

Số TT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Chi phí đầu tư được quyết toán	Đã thanh toán, tạm ứng	Công nợ đến ngày khoá sổ lập báo cáo quyết toán	
					Phải trả	Phải thu
	Tổng số		16.906.656.000	15.300.000.000	1.606.656.000	0
1	Liên danh Công ty TNHH Thành Trí và Công ty Cổ phần Công nghệ F5	Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị	15.071.236.000	14.108.000.000	963.236.000	0
2	Ban Quản lý dự án ĐTXD tỉnh Quảng Nam	Quản lý dự án	431.567.000	200.000.000	231.567.000	0
3	Liên danh Công ty Cổ phần Phú Khang - Công ty CP TV Khảo sát xây dựng Nhân Thành Nam	Khảo sát, lập báo cáo NCKT	236.333.000	210.000.000	26.333.000	0
4	Công ty Cổ phần Phú Khang	Lập thiết kế BVTC và DT	429.652.000	300.000.000	129.652.000	0
5	Công ty Cổ phần kỹ thuật xây dựng Quảng Nam	Thẩm tra thiết kế BVTC và dự toán	62.694.000	59.000.000	3.694.000	0
6	Công ty TNHH MTV tư vấn và xây dựng Hoàng Nghĩa	Lập HSMT, đánh giá HSĐT xây dựng và lắp đặt thiết bị	56.955.000	50.800.000	6.155.000	0
7	Công ty CP Tư vấn xây dựng Lạc Việt	Giám sát xây dựng và lắp đặt thiết bị	439.744.000	353.768.000	85.976.000	0
8	Sở Xây dựng Quảng Nam	Thẩm định dự án	3.232.000	3.232.000	0	0
9	Ban Quản lý dự án ĐTXD tỉnh Quảng Nam	Chi phí thẩm định HSMT và KQLCNT xây lắp và thiết bị	15.198.000	0	15.198.000	
10	Công ty Bảo hiểm MIC Quảng Nam	Bảo hiểm công trình	16.976.000	15.200.000	1.776.000	0
11	Công ty TNHH Kiểm toán FAC - Chi nhánh Miền Trung	Kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành	112.085.000	0	112.085.000	0
12	Sở Tài chính Quảng Nam	Thẩm tra quyết toán	30.984.000	0	30.984.000	0

Phụ lục II
DANH MỤC TÀI SẢN HÌNH THÀNH SAU ĐẦU TƯ
công trình: Cải tạo, nâng cấp và mở rộng Cơ sở cai nghiện ma túy Quảng Nam
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /7/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	Tên và ký hiệu tài sản; Quy mô, công suất (riêng đối với thiết bị ghi rõ thêm chủng loại, xuất xứ)	ĐVT	Số lượng	Giá đơn vị (đồng)	Tổng nguyên giá (đồng)
1	2	3	4	5	6
	Tổng số				16.906.656.000
1	Nhà tiếp nhận tư vấn -bảo vệ : Nhà 01 tầng, diện tích xây dựng 91,63 m2. Chiều cao công trình 7,15m so với cao trình nền sân	HM	1	590.886.000	590.886.000
2	Nhà điều trị học viên: Nhà 01 tầng, diện tích xây dựng 196,06 m2. Chiều cao công trình 7,0m so với cao trình nền sân	HM	1	1.221.565.000	1.221.565.000
3	Nhà dạy nghề học viên: Nhà 01 tầng, diện tích xây dựng 304,92 m2. Chiều cao công trình 7,05m so với cao trình nền sân	HM	1	1.364.720.000	1.364.720.000
4	Khối nhà học viên - Khối nhà A: Nhà 01 tầng, diện tích xây dựng là 330m2. Chiều cao công trình 7,0m so với cao trình nền sân	HM	1	2.000.224.000	2.000.224.000
5	Khối nhà học viên - Khối nhà B: Nhà 01 tầng, diện tích xây dựng là 330m2. Chiều cao công trình 7,0m so với cao trình nền sân	HM	1	1.807.435.000	1.807.435.000
6	Sân nền bê tông và mái che nhà A + B: Diện tích 246m2	HM	1	284.880.000	284.880.000
7	Khối nhà đa năng (Khối nhà chính, sân nền, kè gia cố): Nhà 01 tầng, diện tích xây dựng 415,24m2. Chiều cao công trình 10,15m so với cao trình nền sân. Nền sân S=183m2, kè gia cố L=63,59m	HM	1	4.349.880.000	4.349.880.000
8	Xây mới đường bê tông: Dài 459,87m, rộng 3m	HM	1	1.079.360.000	1.079.360.000
9	Tường rào vành đai bảo vệ: Chiều dài 1.146m, chiều cao 2,8m	HM	1	1.070.950.000	1.070.950.000
10	Tường rào phân khu quản lý: Chiều dài 106m, chiều cao 3,6m	HM	1	577.967.000	577.967.000
11	Nâng cấp tường rào khu sân bóng: Chiều dài 267,9m, chiều cao tường rào 0,8m	HM	1	726.967.000	726.967.000
1	2	3	4	5	6

12	Phòng chống mối	HM	1	245.733.000	245.733.000
13	Lối đi cây xanh nhà học viên, nhà dạy nghề	HM	1	185.768.000	185.768.000
14	Máy bơm chìm giếng khoan cột áp 180m, công suất 5,5kW, Lưu lượng 2-10 m3/h, xuất xứ: Pentax 4S24 Italy	Chiếc	1	54.967.000	54.967.000
15	Máy phát điện chống ồn công suất 15KV, kích thước 1650x800x900mm; Xuất xứ: Mitsubishi THG 15MLT Nhật Bản	Chiếc	1	213.139.000	213.139.000
16	Hệ thống báo động cảm biến tường rào gồm: Trung tâm báo động xuất xứ: Paradox EVO192+K641LCD Canada; môđun mở rộng xuất xứ: Paradox ZX1 Canada; modun HUB tín hiệu xuất xứ: Paradox HUB2 Canada; thiết bị chống leo rào điện tử xuất xứ: Paradox E964Q660Q Canada; Bộ nguồn xuất xứ: Paradox G62 Việt Nam	Hệ thống	1	358.971.000	358.971.000
17	Hệ thống camera quan sát gồm: Camera thân phụ, đầu ghi hình, ổ cứng lưu trữ, bộ chuyển đổi quang 8 kênh, bộ chuyển đổi quang 4 kênh, Xuất xứ: Trung Quốc; Màn hình giám sát: Sharp LC-40SA5500X Malaysia	Hệ thống	1	263.619.000	263.619.000
18	Phòng xông hơi ướt: Xuất xứ EUROKING EU-8603 Malaysia	Cái	2	60.576.500	121.153.000
19	Đồng hồ đo nhiệt độ: Xuất xứ: Sauna M Hàn Quốc	Cái	2	2.468.000	4.936.000
20	Máy chạy bộ: Xuất xứ: Elip Athenna H662 Trung Quốc	Cái	2	35.897.000	71.794.000
21	Máy massage tự động: Xuất xứ: UAS 72 TI11-KL Trung Quốc	Chiếc	2	40.384.000	80.768.000
22	Máy tập đa năng: Xuất xứ: Elip Athenna H662 Trung Quốc	Chiếc	2	1.626.500	3.253.000
23	Kệ sách: Chủng loại, xuất xứ Hòa Phát GS2K1 Việt Nam	Chiếc	10	3.926.200	39.262.000
24	Bàn ghế đọc sách: Chủng loại, xuất xứ: PMC BD72 Việt Nam	Bộ	10	3.141.000	31.410.000
25	Máy điều hòa: Chủng loại xuất xứ: HITACHI RAS-Z18CGV	Bộ	2	27.483.500	54.967.000
26	Sách, báo, tạp chí: Xuất xứ: Việt Nam	Cuốn	1000	102.082	102.082.000